TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI

Bản án số: 59/2019/HNGĐ- ST
Ngày 17-9-2019
V/v ly hôn và nuôi con chung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Bích Thủy
- Ông Trương Xuân Vũ

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04-9-2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn L, xã M, Huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái- Có mặt

Bị đơn: Chị Lý Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn L, xã M, Huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái- Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2019 anh Hà Văn Đ trình bày: Tôi và cô Lý Thị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, nhưng do trình độ hiểu biết còn hạn chế nên không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cô T đi làm ăn ở Hà Nội đã có quan hệ ngoại tình với người khác. Tôi có khuyên bảo nhưng cô T không thay đổi. Nay

tôi xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn cô T.

Về con chung: Tôi và cô T có hai con chung tên là Hà Thị S, sinh ngày 29-10-2004 và cháu Hà Thị H, sinh ngày 17-11-2006. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu S và cháu, không yêu cầu cô T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21 tháng 8 năm 2019 của bị đơn chị Lý Thị T trình bày: Tôi và anh Hà Văn Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, nhưng do trình độ hiểu biết còn hạn chế nên không đến Ủy ban nhân dân xã M làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi đi làm ăn ở Hà Nội để kiếm tiền trả nợ và nuôi con, nhưng anh Đ có nghi ngờ tôi có hệ ngoại tình nên đã chửi mắng, đánh đập, đuổi tôi ra khỏi nhà.Tôi có khuyên bảo nhưng anh Đ không thay đổi. Nay tôi xác định tình cảm không còn anh Đ xin ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Tôi và anh Đ có hai con chung tên là Hà Thị S, sinh ngày 29-10-2004 và cháu Hà Thị H, sinh ngày 17-11-2006. Tôi nhất trí để anh Đ được trực tiếp nuôi hai cháu S và cháu H, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 23 tháng 8 năm 2019 anh Hà Văn Đ và chị Lý Thị T đã thỏa thuận được việc nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân xử Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử tuyên bố anh Hà Văn Đ và chị Lý Thị T không phải là vợ chồng; công nhận sự thỏa thuận của anh Đ và chị T về con chung: Anh Đ trực tiếp nuôi cháu S và cháu H, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con; anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Anh Hà Văn Đ và chị Lý Thị T có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh Đ có yêu cầu xin ly hôn chị T, cần căn cứ vào các quy định của luật Hôn nhân và gia đình để xem xét mối quan hệ giữa hai người. Thấy rằng việc anh Đ và chị T có quan hệ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên cần áp dụng quy định này và Khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để tuyên bố anh Đ và chị T không phải là vợ chồng.

[4] *Về con chung*: Anh Đ và chị T có hai con chung tên là Hà Thị S, sinh ngày 29-10-2004 và cháu Hà Thị H, sinh ngày 17-11-2006. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên hòa giải ngày 23-8-2019, anh Đ và chị T thỏa thuận anh Đ trực tiếp nuôi hai cháu S và cháu H, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và chị cũng nhất trí để anh T trực tiếp nuôi cháu S và cháu H. Xét thấy: Sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa anh Đ và chị T không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các con. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Đ và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{6} *Về án phí*: Anh Hà Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, khoản 1 điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: T bố anh Hà Văn Đ và chị Lý Thị T không phải là vợ chồng.

2- Về con chung công nhận sự thỏa thuận của anh Hà Văn Đ và chị Lý Thị T cụ thể như sau: Anh Hà Văn Đ được trực tiếp nuôi hai cháu Hà Thị S, sinh ngày 29-10-2004 và cháu Hà Thị H, sinh ngày 17-11-2006, chị Lý Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Anh Hà Văn Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2013/04526 ngày 26-7-2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên. Anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo:

- Anh Hà Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

- Chị Lý Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
-UBND xã M,
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh